

Mobilgard™ 12 Series

Dầu động cơ diesel 4 kỳ



Tính năng sản phẩm

Dầu nhớt Mobilgard™ 12 Series (Mobilgard™ 312 và Mobilgard™ 412) giúp:

- Bền nhiệt và bền oxy hóa tuyệt vời
- Tăng tính năng chống mài mòn
- TBN được duy trì xuất sắc
- Tính tẩy rửa/ phân tán tuyệt vời

Sau khi chuyển sang dùng dầu Mobilgard 412, tàu dịch vụ Malaviya 25 đã tăng khoảng thời gian giữa các lần thay dầu và giúp tiết kiệm **32.000 USD mỗi năm.***

Công thức pha chế

Mobilgard 12 Series được pha chế với dầu gốc khoáng đã được chứng minh hiệu suất. Công thức này được tăng cường bởi hệ thống phụ gia cân bằng, giúp chống giảm phẩm chất do nhiệt dưới các điều kiện hoạt động khắc nghiệt và bảo vệ chống lại sự gia tăng độ nhớt.

Lợi ích tiềm năng

Mobilgard 12 Series giúp:

- 1 Tăng khoảng thời gian giữa các lần kiểm tra, đại tu và vệ sinh
- 2 Giảm mài mòn séc măng và sơ mi xy lanh
- 3 Tăng sự bảo vệ nhằm giúp chống mài mòn
- 4 Tăng tuổi thọ dầu nhớt và giữ cho động cơ sạch hơn

Tính tương thích với dầu nhẹ có hàm lượng lưu huỳnh thấp

Mobilgard 12 Series là dầu diesel hiệu suất cao, được sử dụng cho các động cơ diesel 4 kỳ chạy bằng dầu nhẹ có hàm lượng lưu huỳnh thấp, hoạt động trong lĩnh vực hàng hải và công nghiệp. Sản phẩm được điều chế giúp cung cấp tính năng chống sự oxy hóa và giúp tăng độ nhớt dau một quãng thời gian dài hoạt động.

Sản phẩm cũng tương thích với nhiên liệu dùng trong khu vực Kiểm Soát Phát Thải (ECA) của ExxonMobil, giúp cung cấp tính năng tách nước và làm sạch động cơ, bảo vệ chống ăn mòn và chống mài mòn rất tốt.

Mobilgard™ 12 Series

Dầu bôi trơn xy lanh và ổ đỡ

Mobilgard™ 12 Series chủ yếu được sử dụng như chất bôi trơn xy lanh và ổ đỡ, hoạt động trong các động cơ hàng hải và công nghiệp sử dụng nhiên liệu chưng cất hoặc hỗn hợp nhiên liệu nhẹ. Ứng dụng chính của dầu nhờn là trong các động cơ cao tốc ở các đội tàu cá, các động cơ đời mới hoạt động trong điều kiện môi trường khắc nghiệt và nhiều động cơ trung tốc.



Đặc tính tiêu biểu

Mobilgard 12 Series	312	412
Cấp SAE	30	40
Tỷ trọng riêng 15°C	0.896	0.899
Điểm chớp cháy, °C, ASTM D 92	266	272
Điểm đông đặc, °C, ASTM D 97	-9	-9
Độ nhớt, ASTM D 445		
cSt, at 40°C	108	142
cSt, at 100°C	12.0	14.5
Chỉ số độ nhớt, ASTM D 2270	100	100
TBN, mg KOH/g, ASTM D 2896	15	15
Tro Sunfat, wt%, ASTM D 874	2.1	2.1